

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Xây.
2. Bà Lành Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường C, phường V, thành phố L, tỉnh L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc D, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường C, phường V, thành phố L, tỉnh L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Trần Quốc D đăng ký kết hôn tự nguyện năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Một thời gian sau, bà và ông Trần Quốc D làm nhà, sinh sống trên mảnh đất bà được bố mẹ để của bà cho bà tại đường C, phường V, thành phố L, tỉnh L, tỉnh Lạng Sơn. Hai năm gần đây, ông Trần Quốc D thường xuyên say rượu, kiếm cớ gây sự, chửi bới, đánh đập bà và

đập phá đồ đạc, tài sản trong nhà. Bà và gia đình hai bên, khối phố, chính quyền địa phương khuyên can nhưng ông Trần Quốc D không thay đổi, vẫn thường xuyên say rượu, cầm dao dọa nạt vợ con làm cho bà và các con luôn sống trong tâm trạng bất an. Khi ông Trần Quốc D về nhà bà lánh đi chỗ khác, khi ông Trần Quốc D đi làm vắng bà mới dám về nhà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Trần Quốc D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc D. Về con chung: Bà và ông Trần Quốc D, có 02 con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 20/7/2002, đã trưởng thành và Trần Quốc B, sinh ngày 27/9/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quốc B cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông Trần Quốc D cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Quốc D không có việc làm ổn định. Bà là giáo viên, thu nhập ổn định trên 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản ghi lời khai, ông Trần Quốc D khai về việc kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Nguyễn Thị T trình bày. Đầu năm 2022, bà Nguyễn Thị T chuyển nơi làm việc từ xã T, huyện V, tỉnh L về thành phố L, tỉnh L. Bà Nguyễn Thị T thay đổi cách sống. Ông dùng sim điện thoại mới với tư cách người lạ nhắn tin rủ bà Nguyễn Thị T đi chơi thì nhận được tin nhắn đồng ý làm ông rất thất vọng vì vợ đồng ý đi chơi với người lạ. Vì bức tức ông đã đánh bà Nguyễn Thị T, đập phá đồ đạc trong nhà. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị T nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý để bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quốc B cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Cháu Trần Quốc B, sinh ngày 27/9/2014 là con chung của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D. Ông Nguyễn Đình Du là bố đẻ của bà Nguyễn Thị T cho biết: Con gái ông là bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D đăng ký kết hôn tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng bà Nguyễn Thị T chung sống ở một vài nơi trên địa bàn phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn. Sau đó xây nhà sinh sống trên mảnh đất vợ chồng ông bà cho, ở sát cạnh nhà ông bà. Ông Trần Quốc D tốt tính nhưng cũng nóng tính. Do ông Trần Quốc D nghi ngờ bà Nguyễn Thị T ngoại tình nên ghen tuông, bức tức, hay đập phá đồ đạc, phá cửa, giường, két sắt, đổ nước mớ vào chăn màn, quần áo, chộc thùng chần, chuyển điều hòa, tủ lạnh đi nơi khác. Có lần ông Trần Quốc D ném cốc vào đầu bà Nguyễn Thị T gây thương tích. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị T ngày càng trầm trọng.

Tại Biên bản ngày 22/7/2022, bà Nông Thị T là Khối trưởng Khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh L cho biết: Ngày 08/2/2022 bà được thấy ông Trần Quốc D

đánh bà Nguyễn Thị T chảy máu đầu. Nhiều lần ông Trần Quốc D phá hoại tài sản trong nhà. Khi cơ quan chức năng đến hiện trường thấy nhà cửa bừa bãi, rượu đồ khắp nhà, đồ đạc bị đập phá, còn ông Trần Quốc D đã bỏ đi.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/7/2022, Công an phường Vĩnh Trại cho biết: Ngày 08/3/2022 nhận được tin báo về việc ông Trần Quốc D hành hung bà Nguyễn Thị T, Công an phường Vĩnh Trại đã đến hiện trường. Lúc Công an đến, ông Trần Quốc D đã không còn có hành vi hành hung, bà Nguyễn Thị T đã bị thương tích ở vùng đầu, ông Trần Quốc D không đồng ý ký biên bản. Ngày 11/7/2022, bà Nguyễn Thị T trình báo về việc xem qua camera thấy trước đó 01 ngày ông Trần Quốc D đập phá đồ đạc trong nhà.... Khi Công an đến thấy nhà cửa bị xáo trộn, ông Trần Quốc D không có ở nhà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần Hội đồng xét xử hợp pháp. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Quốc D; giao con chung Trần Quốc B sinh ngày 27/9/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông Trần Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị T không yêu cầu; về tài sản chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có; về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Quốc D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có đầy đủ. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Quốc D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D đăng ký kết hôn tự nguyện năm 2001 tại Ủy ban nhân phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D đều thừa nhận thời gian mấy tháng gần đây ông bà có mâu thuẫn, do ông Trần Quốc D nghi ngờ bà Nguyễn Thị T nên thường xuyên say rượu, đập phá đồ đạc trong nhà, đánh bà Nguyễn Thị T, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Như vậy, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D thường xuyên mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị T xác định đã không còn tình cảm với ông Trần Quốc D và yêu cầu được ly hôn. Ông Trần Quốc D trình bày vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị T và không đồng ý ly hôn nhưng khi được hai bên gia đình, khối phố khuyên giải ông Trần Quốc D vẫn không thay đổi cách sống, thường xuyên có hành vi đập phá tài sản trong nhà. Ông Trần Quốc D được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, thể hiện ông Trần Quốc D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn Thị T. Thực tế từ tháng 4/2022 bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D đã không sống chung, ông Trần Quốc D ở nhà thì bà Nguyễn Thị T lánh đi nơi khác, ông Trần Quốc D đi vắng bà Nguyễn Thị T mới về nhà. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị T xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quốc D có 02 con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 20/7/2002, đã trưởng thành và Trần Quốc B, sinh ngày 27/9/2014. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc B cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Trần Quốc D nhất trí để bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn. Xét thấy, con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 20/7/2002, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết. Còn cháu Trần Quốc B từ trước đến nay vẫn sống với bà Nguyễn Thị T tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bà Nguyễn Thị T có việc làm, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, cần giao con chung Trần Quốc B cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đúng với mong muốn của bà Nguyễn Thị T, ý kiến của ông Trần Quốc D và nguyện vọng của cháu Trần Quốc B. Ông Trần Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị T không yêu cầu. Ông Trần Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Quốc D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 100, đăng ký kết hôn ngày 12/12/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc B, sinh ngày 27/9/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Ông Trần Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000838 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Quốc D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- UBND phường V;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên